

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Số: 442/QLCL-CL1  
V/v vướng mắc liên quan tới  
Nghị định 187/2013/NĐ-CP

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (NAFIQAD) nhận được phản ánh của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (tại công văn số 32/2014/CV-VASEP ngày 21/02/2014) về vướng mắc khi làm thủ tục xuất khẩu các lô hàng thủy sản do Cơ quan Hải quan cửa khẩu yêu cầu cung cấp giấy chứng nhận kiểm dịch do áp dụng quy định tại Điều 4 và Điều 7 Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ. Liên quan tới vấn đề này, NAFIQAD có ý kiến như sau:

1. Về hàng hóa phải kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và Điều 7 Nghị định 187/2013/NĐ-CP:

Ngày 20/7/2012, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông tư số 32/2012/TT-BNNPTNT về danh mục thủy sản, sản phẩm thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch, trong đó quy định tất cả các loài thủy sản và dạng sản phẩm thủy sản đều thuộc diện phải kiểm dịch.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh Thú y năm 2003 thì **động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu phải kiểm dịch theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc của chủ động vật, sản phẩm động vật (chủ hàng)**. Tại Điều 7 Thông tư 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng quy định: Thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu chỉ phải kiểm dịch trong các trường hợp sau:

- Điều ước Quốc tế, thoả thuận song phương, đa phương mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia quy định phải kiểm dịch;

- Theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước/thị trường nhập khẩu.

Đối với thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm, hiện nay, các thị trường nhập khẩu có yêu cầu Cơ quan thẩm quyền Việt Nam (NAFIQAD) cấp giấy chứng nhận kiểm dịch cho một số loài thủy sản và một số dạng sản phẩm nhất định bao gồm: EU, Na Uy, Thụy Sĩ, Serbia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*). Đối với các thị trường này, NAFIQAD sẽ đồng thời thực hiện việc kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (*NAFIQAD đã có công văn số 266/QLCL-CL1 ngày 25/02/2014 gửi Tổng cục Hải quan về việc phối hợp kiểm soát thủy sản xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này*).

Như vậy, khi thị trường nhập khẩu hoặc chủ hàng không có yêu cầu kiểm dịch và sản phẩm không thuộc đối tượng phải kiểm dịch thì NAFIQAD sẽ không thực hiện kiểm dịch lô hàng thủy sản xuất khẩu.

2. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện các nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ. Trước mắt, đề nghị Quý Tổng cục chỉ đạo Cơ quan Hải quan các cửa khẩu tiếp tục phối hợp kiểm soát thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm theo nội dung nêu tại công văn số 266/QLCL-CL1 ngày 25/02/2014 của NAFIQAD nêu trên và không yêu cầu doanh nghiệp cung cấp giấy chứng nhận kiểm dịch của lô hàng thủy sản không thuộc đối tượng phải kiểm dịch và/hoặc xuất khẩu vào các thị trường không yêu cầu chứng nhận kiểm dịch bởi cơ quan thẩm quyền Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Tổng cục./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Hiệp hội VASEP;
- Lưu: VT, CL1.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Trần Bích Nga**

**Phụ lục: Các thị trường yêu cầu kiểm dịch và đối tượng phải kiểm dịch**

(Kèm theo công văn số 442/QLCL-CL1 ngày 20/3/2014 của Cục Quản lý Chất lượng NLS&TS)

TT	Thị trường	Dạng sản phẩm thủy sản phải kiểm dịch	Loài thủy sản phải kiểm dịch (tên khoa học)
1.	EU, Na Uy, Thụy Sĩ, Serbia	Thủy sản sống	<p><b>Cá:</b> <i>Oncorhynchus mykiss</i>, <i>Perca fluviatilis</i>, <i>Aristichthys nobilis</i>, <i>Carassius auratus</i>, <i>C. Carassius</i>, <i>Ctenopharyngodon idellus</i>, <i>Cyprinus carpio</i>, <i>Hypophthalmichthys molitrix</i>, <i>Silurus glanis</i>, <i>Tinca tinca</i>, <i>Clupea spp.</i>, <i>Coregonus sp.</i>, <i>Esox lucius</i>, <i>Gadus aeglefinus</i>, <i>G. macrocephalus</i>, <i>G. morhua</i>, <i>Oncorhynchus spp.</i>, <i>Onos mustelus</i>, <i>Salmo trutta</i>, <i>Scophthalmus maximus</i>, <i>Sprattus sprattus</i>, <i>Thymallus thymallus</i>, <i>Oncorhynchus keta</i>, <i>O. Kisutch</i>, <i>O. masou</i>, <i>O. nerka</i>, <i>O. rhodurus</i>, <i>O. tshawytscha</i>, <i>Salmo salar</i>; các loài thuộc giống <i>Catla</i>, <i>Channa</i>, <i>Labeo</i>, <i>Mastacembelus</i>, <i>Mugil</i>, <i>Puntius</i> và <i>Trichogaster</i>.</p> <p><b>Giáp xác:</b> Tất cả các loài thuộc bộ giáp xác mười chân <i>Decapoda</i> (như: <i>P. monodon</i>, <i>P. vannamei</i>, ...)</p> <p><b>Nhuyễn thể:</b> <i>Ostrea angasi</i>, <i>O. chilensis</i>, <i>Crassostrea gigas</i>, <i>C. virginica</i>, <i>Ostrea conchaphila</i>, <i>O. edulis</i>, <i>O. puelchana</i>, <i>Mytilus edulis</i>, <i>M. galloprovincialis</i>, <i>O. denselammellosa</i>.</p>
2.	Hàn Quốc	Thủy sản sống	<p><b>Cá:</b> <i>Acanthopagrus australis</i>, <i>Acanthopagrus latus</i>, <i>Acanthopagrus schlegelii</i>, <i>Ammodytes hexapterus</i>, <i>Ammodytes personatus</i>, <i>Ammodytes sp.</i>, <i>Anabas testudineus</i>, <i>Anoplopoma fimbria</i>, <i>Anguilla anguilla</i>, <i>anguillicaudatus</i>, <i>Argentina sphyriaena</i>, <i>Aristichthys nobilis</i>, <i>Atractoscion nobilis</i>, <i>Aulorhynchus flavidus</i>, <i>Bidyanus bidyanus</i>, <i>Brevoortia tyrannus</i>, <i>Caranx spp.</i>, <i>Carassius auratus</i>, <i>Carassius carassius</i>, <i>Catla catla</i>, <i>Cirrhinus mrigala</i>, <i>Clarius batrachus</i>, <i>Clarius spp.</i>, <i>Clupea spp.</i>, <i>Colisa lalia</i>, <i>Coregonidae</i>, <i>Cromileptes altivelis</i>, <i>Ctenopharyngodon idella</i>, <i>Cymatogaster aggregata</i>, <i>Channa striatus</i>, <i>Chromileptes altivelis</i>, <i>Danio rerio</i>, <i>Dicentrarchus labrax</i>, <i>Enchelyopus cimbrius</i>, <i>Epinephelus akaara</i>, <i>Epinephelus spp.</i>, <i>Esox sp.</i>, <i>Esox lucius</i>, <i>Eyynnys japonica</i>, <i>Fluta alba</i>, <i>Fundulus heteroclitus</i>, <i>Gadus macrocephalus</i>, <i>Gadus morhua</i>, <i>Galaxias olidus</i>, <i>Gambusia affinis</i>, <i>Gasterosteus aculeatus</i>, <i>Glossogobius giuris</i>, <i>Girella punctata</i>, <i>Hippoglossus hippoglossus</i>, <i>Hypomesus pretiosus</i>, <i>Hypophthalmichthys molitrix</i>, <i>Labeo spp.</i>, <i>Lateolabrax japonicus</i>, <i>Lates calcarifer</i>, <i>Lebistes reticulatus</i>, <i>Lepomis gibbosus</i>, <i>Lethrinus haematopterus</i>, <i>Lethrinus nebulosus</i>, <i>Leuciscus idus</i>, <i>Limanda herzenstein</i>, <i>Limanda limanda</i>, <i>Maccullochella peelii</i>, <i>Macquaria australasica</i>, <i>Melanogrammus aeglefinus</i>, <i>Merlangius merlangus</i>, <i>Merluccius productus</i>, <i>Microgadus proximus</i>, <i>Micromesistius poutassou</i>, <i>Micropterus salmoides</i>, <i>Misgurnus</i>, <i>Mugil spp.</i>, <i>Liza spp.</i>, <i>Oncorhynchus aguabonita</i>, <i>Oncorhynchus mykiss</i>, <i>Oncorhynchus spp.</i>, <i>Oplegnathus fasciatus</i>, <i>Oplegnathus punctatus</i>, <i>Osphronemus goramy</i>, <i>Oxyeleotris marmoratus</i>, <i>Pagrus major</i>, <i>Paralichthyidae</i>, <i>Paralichthys</i></p>

09481426  
LawSoft \* Tel: +84-8-3930 3279 \* www.ThuVienPhapLuat.vn

			<p><i>olivaceus, Parapristipoma trilineatum, Parophrys vetulus, Platicthys flesus, Platycephalus fuscus, Platycephalus indicus, Plecoglossus altivelis, Plectorhynchus cinctus, Pleuronectes platessa, Pollachius virens, Pomatoschistus minutus, Psettodes sp., Pseudocaranx dentex, Pseudosciaena crocea, Puntius gonionotus, Puntius sophore, quinquerediata, Rachycentron canadum, Reinhardtius hippoglossoides, Rhodeus ocellatus, Rohtee sp., Rutilus rutilus, Salmo salar, Salmo trutta, Salvelinus alpinus, Salvelinus fontinalis, Salvelinus namaycush, Sardinops sagax, Scaridinius erythrophthalmus, Scatophagus argus, Scomber japonicus, Scomberomorus niphonius, Scopthalmus maximus, Scortum barcoo, Sebastes inermis, Sebastes schlegelii, Seriola dumerili, Seriola lalandi, Seriola quinqueradiata, Sillago ciliata, Silurus glanis, Siniperca chuatsi, Sprattus sprattus, Takifugu rubripes, Terapon sp., Tinca tinca, Toxotes chatareus, Thaleichthys pacificus, Theragra chalcogramma, Thunnus thynnus, Thymallidae, Thymallus thymallus, Trachinotus blochii, Trachurus japonicus, Trichogaster pectoralis, Trichogaster trichopterus, Trisopterus esmarkii, Trisopterus minutus, Umbrina cirrosa, Verasper moseri, Verasper variegatus; các loài khác thuộc các họ Anguillidae, Atherinidae, Bagridae, Bothidae, Carangidae, Catostomidae, Cichlidae, Cobitidae, Cyprinidae, Esocidae, Exocoetidae, Gobiidae, Moronidae, Mugilidae, Percidae, Poeciliidae, Sciaenidae, Soleidae, Siluridae.</i></p> <p><b>Giáp xác:</b> <i>Ascetes sp., Crayfish, Eriocheir sinensis, Euphasia superba, Farfantepenaeus aztecus, Farfantepenaeus duorarum, Fenneropenaeus chinensis, Fenneropenaeus merguensis, Litopenaeus schmitti, Litopenaeus setiferus, Litopenaeus stylirostris, Litopenaeus vannamei, Macrobrachium rosenbergii, Machrobrachium sintangene, Marsupenaeus japonicus, Metapenaeus bennettiae, Metapenaeus ensis, Palaemon serrifer, Palaemon styliferus, Penaeus esculentus, Penaeus monodon, Penaeus setiferus, Penaeus stylirostris; các loài khác thuộc họ giống Fenneropenaeus, Melicertus, Metapenaeus và Penaeus.</i></p> <p><b>Nhuyễn thể:</b> <i>Crassostrea ariakensis, Crassostrea gigas, Crassostrea virginica, Haliotis corrugata, Haliotis cracherodii, Haliotis discus-hannai, Haliotis diversicolor, Haliotis fulgens, Haliotis laevigata, Haliotis rubra, Haliotis rufescens, Haliotis sorenseni, Haliotis tuberculata, Haliotis wallalensis, M. Galloprovincialis, Macoma balthica, Mercenaria mercenaria, Mya arenaria, Mytilus edulis, O. Puelchana, Ostrea angasi, Ostrea edulis, Ostrea puelchana, Ostreola chilensis (= Tiostraea chilensis, Tiostraea lutaria), Ostreola rhizophorae, Tegula rusticum, Turbo sp.</i></p>
3.	Trung Quốc	Thủy sản sống	Các loài thủy sản nuôi còn sống
4.	Đài Loan	Thủy sản sống (giáp xác, bào ngư, cá sống)	<b>Cá:</b> <i>Acanthopagrus latus, Acanthopagrus schlegeli, Acanthopagrus australis, Anabas testudineus, Anguilla spp., Anguilla anguilla, Bidyanus bidyanus, Bagridae, Caranx spp., Seriola dumerili, Seriola quinqueradiata, Trachinotus blochii, Clarius spp., Aristichthys nobilis, Carassius auratus, Caranx</i>

		<p><i>delicatissimus, Catla catla, Cirrhinus mrigala, Ctenopharyngodon idellus, Cyprinus carpio, Esomus spp., Glossogobius giuris, Hypophthalmichthys molitrix, Labeo spp., Puntius gonionotus, Puntius sophore, Rhodeus ocellatus, Rohtee spp., Scaridinius erythrophthalmus, Epinephelus spp., Plectropomus leopardus, Cromileptes altivelis, Lates calcarifer, Lateolabrax spp., Lethrinus haematopterus, Lethrinus nebulosus, Lutjanus erythropterus, Mugil spp., Mugil cephalus, Osphronemus goramy, Pagrus major, Perca fluviatilis, Plectorhinchus cinctus, Plecoglossus altivelis, Rachycentron canadum, Oncorhynchus spp., Oncorhynchus mykiss, Oplegnathus fasciatus, Salmo salar, Sciaenops ocellatus, Siniperca chuatsi, Tilapia spp., Beledontichthys spp., Ceratoglanis spp., Hemisilurus spp., Kryptopterus spp., Micronema spp., Omphok spp., Parasilurus spp., Phalacrotonotus spp., Pterocryptis spp., Silurichthys spp., Silurus spp., Wallago spp., Toxotes chatareus, Trichogaster pectoralis, Trichogaster trichopterus.</i></p> <p><b>Giáp xác:</b> <i>Astacus astacus, Astacus leptodactylus, Austropotamobius pallipes, Austropotamobius torrentium, Caridina spp., Macrobrachium rosenbergii, Marchrobrachium sintangense, Neocaridina spp., Orconectes spp., Pacifastacus leniusculus, các loài tôm thuộc họ Penaeidae, Fenneropenaeus chinensis, Farfantepenaeus aztecus, Farfantepenaeus duorarum, Fenneropenaeus merguensis, Litopenaeus schmitt, Litopenaeus setiferus, Litopenaeus stylirostris, Litopenaeus vannamei, Metapenaeus ensis, Marsupenaeus japonicus, Metapenaeus bennettiae, Penaeus esculentus, Penaeus monodon, Procambarus clarkii.</i></p> <p><b>Bào ngư:</b> <i>Haliotis rubra, Haliotis laevigata, Haliotis cyclobates, Haliotis scalaris, Haliotis cracherodii, Haliotis sorenseni, Haliotis rufescens, Haliotis corrugata, Haliotis tuberculata(Haliotis fulgens), Haliotis wallalensis, Haliotis discus-hannai, Haliotis diversicolor aquatilis, Haliotis diversicolor supertexta.</i></p>
--	--	--